

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-11-2018

“Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tú Anh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thái Hiền D, sinh năm 1982 nơi cư trú Tổ 13, ấp Tân Th, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1982 nơi cư trú Tổ 15, ấp Tân Th, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 14/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thái Hiền D trình bày:

Vào năm 2007 chị D và anh Nguyễn Thành N do quen biết nhau được sự đồng ý của gia đình, có tổ chức lễ nói, lễ cưới theo phong tục ở địa phương, nữ trang cưới gồm 20 chỉ vàng 24k, sau ngày cưới mẹ chồng chị mượn lại sổ nữ

trang cưới và Chị chỉ còn giữ đôi bông cưới, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân thì phía gia đình chồng có đưa lại chị Diệu số tiền 40 triệu đồng và hứa sẽ đưa tiếp 20 triệu đồng nữa nhưng đến nay thì vẫn chưa đưa số tiền này.

Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Tổ 13, ấp Tân Th, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, sống hạnh phúc được 02 năm có 01 con chung tên Nguyễn Thái Anh K, sinh ngày 08/01/2009, hiện cháu K đang do chị D chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống không có tạo ra tài sản chung, không nợ chung và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống từ việc nhỏ đến lớn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị D cảm thấy bị áp lực và mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ giữa tháng 5 năm 2010 đến nay. Chị D xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân chị Thái Hiền D yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành N. Về con chung chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Anh K, chị D không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Thành N: Tại đơn xin vắng mặt ngày 29/10/2018 anh N có ý kiến thống nhất nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của chị D về hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay D xin ly hôn anh thì anh đồng ý, về con chung cháu Anh K đang do D chăm sóc nuôi dưỡng anh đồng ý để D tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Do bận đi làm xa thường xuyên đi công tác nên anh N xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến cháu Nguyễn Thái Anh K: Tại bản khai ngày 14/8/2018 cháu K có ý kiến mong muốn tiếp tục sống với mẹ.

Tại phiên tòa:

- Chị D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện : Về hôn nhân chị Thái Hiền D yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành N. Về con chung chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Anh K, chị D không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật và ý kiến đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Hiền D và anh Nguyễn Thành N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái Anh K, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2009 cho chị Thái Hiền D tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thái Hiền D phải nộp số tiền là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Thái Hiền D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn anh Nguyễn Thành N đăng ký nhân khẩu thường trú Tổ 15, ấp Tân Th, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 10/10/2018, 16/10/2018 và ngày 05/11/2018 cho anh Nam đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh N hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án. Đến ngày 29/10/2018 anh Nguyễn Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Hiền D và anh Nguyễn Thành N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2009 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Chị Thái Hiền D xin ly hôn anh Nguyễn Thành N, anh N đồng ý ly hôn. Đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Thái Hiền D và anh Nguyễn Thành N.

[2.2] Về con chung: Chị D yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thái Anh K, sinh ngày 08/01/2009 không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung anh không phải cấp dưỡng nuôi con, tại bản khai ngày 14 tháng 8 năm 2018 thì cháu K có ý kiến mong muốn được tiếp tục sống với mẹ. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp nguyện vọng cháu Kỳ cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh, chị.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Thái Hiền D và anh Nguyễn Thành N không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị Thái Hiền D phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 55 và Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Hiền D và anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Giao Cháu Nguyễn Thái Anh K, sinh ngày 08/01/2009 cho chị Thái Hiền D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Thái Hiền D và anh Nguyễn Thành N không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Thái Hiền D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo lai thu số 0015129 ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị Thái Hiền D đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Bình Tân 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã ĐKKH 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký tên và đóng dấu*)

Nguyễn Thị Hồng Diễm